

Bản án số: 32/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Danh Đức**

Ông **Đoàn Văn Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Sơn Thành** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/HSST-QĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Bửu T – Sinh năm: 1990; tại R, Kiên Giang

Nơi cư trú: Số 287 Trần P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV S T, Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Trần Thanh P và bà Dương Tú N; Chồng: Lê Văn S; Con 02 người, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa chỉ trên (Có mặt).

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo: Luật sư **Dương Tấn L** – Thuộc Văn phòng Luật sư Dương Tấn L, Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Người bị hại: Bà **Lê Hoàng Tuyết K** – Sinh năm: 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 84 đường K, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư **Bùi Thị H** – Thuộc văn phòng Luật sư Bùi Điệp và cộng sự, đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Văn S** – Sinh năm: 1985.
(Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 287 Trần P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

- *Người làm chứng:* Bà **Trần Thị H** – Sinh năm: 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 262/9 Quang Trung, phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng tháng 12/2018, Trần Bửu T đã sử dụng sim điện thoại di động khuyến mãi, tự tạo tài khoản Facebook, do T đứng tên, sau đó T sử dụng tài khoản Facebook lên mạng xã hội Facebook, tìm người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) giả, khi lên mạng T tìm được một người (không rõ lai lịch), thuê làm 02 GCNQSDĐ giả số BL738455, diện tích 125m² thuộc lô D07-34, đường số 2, khu đô thị mới thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang, do chồng T là Lê Văn S đứng tên với giá 12.000.000 đồng, khoảng 02-03 ngày thì có một người đàn ông (không rõ lai lịch), điện thoại cho T để giao 02 GCNQSDĐ giả do T đặt làm T hẹn người đàn ông đến khu vực đường Nguyễn Tri Phương, phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, để giao, nhận GCNQSDĐ giả, T nhận GCNQSDĐ giả và trả số tiền 12.000.000 đồng/02 giấy. Đến ngày 02/4/2019 vợ, chồng T đã chuyển nhượng lô đất thật do Lê Văn S đứng tên trong GCNQSDĐ số BL738455, diện tích 125m² thuộc lô D07-34, đường số 2, khu đô thị mới thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang, cho anh Vũ Viết H1 với giá 980.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/3 đến tháng 5/2019, do cần tiền trả nợ nên T đã liên hệ với chị Trần Thị H là nhân viên ngân hàng Techcombank chi nhánh tỉnh Kiên Giang, để nhờ tìm người cho vay tiền. Sau đó, chị H đã giới thiệu cho chị Lê Hoàng Tuyết K làm nghề kinh doanh cầm đồ cho T vay nhiều lần số tiền 1.660.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận (không thể chấp tài sản), đã trả tiền gốc được 850.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 810.000.000 đồng. Đến ngày 03/5/2019, do T vay số tiền nhiều không có tài sản thế chấp, nên chị K yêu cầu T phải có tài sản thế chấp mới cho vay tiền thêm, nên T đã sử dụng GCNQSDĐ giả số BL738455, do Lê Văn S chồng T đứng tên, thế chấp cho chị K làm cho chị K tin tưởng nhằm chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi cho T vay 40.000.000 đồng có thể chấp, chị K yêu cầu T viết biên nhận riêng số tiền 40.000.000 đồng, nhưng T đã yêu cầu chị K làm 01 giấy biên nhận ghi gộp với số tiền 810.000.000 đồng. Tổng cộng biên nhận vay tiền là 850.000.000 đồng, trong quá trình điều tra T đã trả được số tiền 730.000.000 đồng (tiền vay không thể chấp 693.000.000 đồng, tiền lừa đảo 40.000.000 đồng).

Ngoài ra vào ngày 26/3/2019, do cần tiền trả nợ, T đã dùng GCNQSDĐ số BL738455 giả, thế chấp cho anh Vũ Tú B vay số tiền 50.000.000 đồng. lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, đã trả tiền xong.

Bị can Trần Bửu T có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Trong quá trình điều tra và truy tố bị can có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị can có nhân thân tốt, trước nay chưa có tiền án, tiền sự. Đã khắc phục toàn bộ số tiền cho bị hại.

* Tại bản kết luận giám định về chữ ký và hình dấu số: 511/KL-KTHS, ngày 04/10/2019, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận như sau:

1. “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số BL 738455 mẫu cần giám định ký hiệu A **là giả**.

2. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG”, dưới mục: “Phó Chủ Tịch” trên mẫu cần giám định ký hiệu là A so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng một nội dung trên mẫu so sánh từ M2 đến M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Chữ ký mang tên Lâm Hoàng Sa, dưới mục “Phó Chủ Tịch” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Lâm Hoàng Sa trên mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M5 Không phải chữ ký của cùng một người.

* Tại bản kết luận giám định về chữ ký và hình dấu số: 700/KL-KTHS, ngày 15/11/2019, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận như sau:

1. “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số BL 738455 (ký hiệu A) **là giả**.

2. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG”, dưới mục: “TM. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang” trên mẫu cần giám định ký hiệu là A **không phải** do con dấu có hình dấu tròn màu đỏ trên các mẫu so sánh từ M2 đến M5 đóng ra.

3. Chữ ký mang tên Lâm Hoàng Sa, dưới mục “TM. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Lâm Hoàng Sa trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M5 **không phải do cùng một người ký ra**.

Tại Bản cáo trạng số 19/CT-VKSTKG-P2 ngày 30/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Trần Bửu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa, bị cáo Trần Bửu T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

* Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị Tuyết K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, vì hiện nay chồng bị cáo đã bỏ đi, bản thân bị cáo hiện đang nuôi 02 con nhỏ.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu quan điểm như sau: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Bửu T về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì nhu cầu muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật lao vào con đường phạm tội. Từ đó bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại bằng cách đặt làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sử dụng sim điện thoại di động khuyến mãi, tự tạo tài khoản Facebook và lên mạng xã hội Facebook, tìm người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả). Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của công dân một cách trái pháp luật, mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý giấy tờ, tài liệu; gây tâm lý bức xúc cho người bị hại và gây mất trật tự trị an ở địa phương, đặc biệt là làm ảnh hưởng đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm để răn đe.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; đã khắc phục đủ toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, tại phiên tòa người bị hại tha thiết xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự... Vì vậy, nên cần áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX:

- **Áp dụng**: Khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- **Xử phạt**: Bị cáo **Trần Bửu T** – **Mức án 06 tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và mức án **từ 06 đến 09 tháng tù** về tội “Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là **12 tháng đến 15 tháng tù**.

* **Tại phiên tòa Luật sư L bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm**: Luật sư thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, mong

HĐXX xem xét thêm các tình tiết sau giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề, bởi: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân là người có nhân thân tốt, đã khắc phục xong toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo... Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cũng đủ nghiêm.

*** Luật sư H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày quan điểm:**
Luật sư thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 174 và khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Thống nhất quan điểm của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo... Vì hiện nay bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, sau khi phạm tội chồng đã bỏ đi, bản thân phải nuôi 02 con còn nhỏ... để bị cáo có điều kiện lo cho con nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nước ta.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, để bị có điều kiện lo cho 02 con nhỏ, chồng bị cáo hiện đã bỏ đi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với nội dung Cáo trạng, Kết luận điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng tháng 12/2018, Trần Bửu T lên mạng xã hội

Facebook, thuê người làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BL738455, diện tích 125m² thuộc lô D07-34, đường số 2, khu đô thị mới thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang, do chồng T là Lê Văn S đứng tên với giá 12.000.000 đồng. Đến ngày 03/5/2019, T dùng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, thế chấp cho chị Lê Hoàng Tuyết K để vay số tiền 40.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Bửu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Chỉ vì nhu cầu cần có tiền thanh toán nợ cũng như nhu cầu tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật lao vào con đường phạm tội. Từ đó, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại bằng cách đặt làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sử dụng sim điện thoại di động khuyến mãi, tự tạo tài khoản Facebook, rồi lên mạng xã hội, tìm người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả). Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân một cách trái pháp luật, mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý giấy tờ, tài liệu, đặc biệt hơn là làm ảnh hưởng đến uy tín và sự hoạt động đúng đắn của Các cơ quan hành chính Nhà nước, gây tâm lý bức xúc cho người bị hại và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, đứng trước phiên tòa hôm nay bị cáo phải chịu trách nhiệm về những gì bị cáo đã gây ra, HĐXX thiết nghĩ cần phải xử lý bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây nên, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để cải tạo, giáo dục lại bị cáo trở nên một công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội cũng như mang tính răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này là cần thiết.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự
- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục đủ số tiền bồi thường cho bị hại; tại phiên tòa người bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, bản thân là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hiện bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn về kinh tế, sau khi vụ án xảy ra chồng đã bỏ gia đình đi, hiện bị cáo đang phải nuôi 02 con nhỏ chỉ hơn 3 tuổi...đó là những tình tiết giảm nhẹ

một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, nghĩ cần áp dụng các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đồng thời xử phạt bị cáo mức án dưới thấp nhất dưới khung hình phạt để bị sớm về lo cho con nhỏ và gia đình nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nước ta.

[5] *Quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát:* Xét thấy, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, đánh giá hành vi, tính chất phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và mức án đề nghị xử phạt bị cáo như trên là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[6] *Về quan điểm của Luật sư L:* Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 làm tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, Vị luật sư cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ thêm cho bị cáo là không phù hợp, bởi: Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng trước (sử dụng giấy tờ giả), để bị cáo thực hiện tiếp hành vi phạm tội lừa đảo. Như vậy, thì không thể nói rằng bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng như quan điểm của Vị Luật sư, nghĩ cần bác là thỏa đáng.

[7] *Về quan điểm của Luật sư Thủy:* Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 làm tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, Vị luật sư đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra, giữa bị hại Lê Hoàng Tuyết K và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền đã chiếm đoạt 40.000.000 đồng cho bị hại, và tại phiên tòa hôm nay, bị hại không yêu cầu gì thêm, nên HĐXX không xem xét thêm.

[9] *Về án phí:* Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Bửu T** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” và “**Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức**” quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- **Xử phạt:** Bị cáo **Trần Bửu T – 06 (Sáu) tháng tù** về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” và **06 (Sáu) tháng tù** về tội “**Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức**”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là **01 (một) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1)
- Bị cáo (1);
- Đường sự (2);
- Luật sư (2);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Quang